

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 19-10-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Na Rinh

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1979 và chị Trần Thị N, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Văn G: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983. Theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 25/12/2020 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Diệp Thị C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

3. *Người làm chứng:* Chị Bùi Thị P E, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G trình bày: Ngày 16/3/2019 âm lịch, bà Diệp Thị C có vay của vợ chồng anh chị 58.000.000 đồng, mục đích để nuôi trồng thủy sản, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày vay. Đến hạn trả nợ chị N đến yêu cầu trả vốn, lãi thì bà C cho rằng nuôi tôm bị lỗ vốn không có tiền để trả và hứa hết vụ nuôi tôm này đến vụ nuôi tôm khác sẽ trả nợ nhưng vẫn không thực hiện, sau đó chị N nhiều lần đến yêu cầu trả nợ thì bà C hứa khi con gái ở nước ngoài gửi tiền về sẽ trả

nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ cho vợ chồng chị. Do đó, khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền đã vay nợ gốc 58.000.000 đồng, tính lãi suất từ ngày 16/3/2019 âm lịch đến ngày 16/11/2020 âm lịch là 20 tháng ($58.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 20 \text{ tháng}$) là 11.600.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 69.600.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Diệp Thị C trình bày: Ngày 16/3/2019 âm lịch bà không có vay của vợ chồng anh Huỳnh Văn G, chị Trần Thị N số tiền 58.000.000 đồng. Trước đó vào khoảng năm 2016, 2017 bà có vay của chị N 26.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, do nuôi tôm thua lỗ nhiều năm không có khả năng trả vốn và lãi nên chị N buộc bà phải viết biên nhận cộng lãi vào vốn, cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Nay bà không đồng ý trả số tiền vốn và lãi là 69.600.000 đồng theo yêu cầu của anh G, chị N. Bà không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng chị Bùi Thị P trình bày: Ngày 16/3/2019 âm lịch chị không chứng kiến, không viết nội dung giùm cho bà Diệp Thị C ký tên trong biên nhận vay tiền của chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G số tiền 58.000.000 đồng, ngoài ra chị cũng không nghe nói là bà C đã vay của vợ chồng chị N, anh G số tiền nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, về thủ tục tố tụng vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, biên nhận vay tiền ngày 16/3/2019 âm lịch được giám định là chữ ký, chữ viết của bà Diệp Thị C nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C trả cho chị N, anh G số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng; áp dụng mức lãi suất 10%/năm được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, $58.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 9.662.800 \text{ đồng}$. Ngoài ra còn đề nghị buộc bà C phải nộp chi phí giám định là 2.430.000 đồng; chị N, anh G phải chịu án phí đối với số tiền lãi 1.937.200 đồng không được chấp nhận; miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà C do có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc diện người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn bà Diệp Thị C có cư trú và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G yêu cầu bà Diệp Thị C thực hiện nghĩa vụ hợp đồng vay tài sản còn nợ, nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét thấy chị N, anh G yêu cầu bà C trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng, được chứng minh bằng biên nhận vay tiền ngày 16/3/2019 âm lịch, có chữ ký của bà Diệp Thị C. Bà C không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận này do bà viết và ký ra, tuy nhiên tại kết luận giám định số 316/KLGĐ ngày 28/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Diệp Thị C trên biên nhận vay tiền ngày 16/3/2019 âm lịch so với chữ ký, chữ viết của bà Diệp Thị C trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà C vay tiền của chị N, anh G nên phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Lời khai người làm chứng chị P E là con dâu bà C nên không khách quan và không giá trị để chứng minh sự thật của vụ án.

Về yêu cầu tính lãi suất: Xét thấy chị N, anh G yêu cầu bà C trả số tiền lãi suất tính từ ngày 16/3/2019 âm lịch đến ngày 16/11/2020 âm lịch là 20 tháng, với mức lãi suất 1%/tháng bằng 11.600.000 đồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích biên nhận vay tiền ngày 16/3/2019 âm lịch không thể hiện rõ mức lãi suất phải thanh toán giữa các bên nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương đương 10%/năm, nhưng chị N vẫn yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng, yêu cầu này vượt quá giới hạn mức lãi suất được pháp luật quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 10%/năm, tương ứng 0,833%/tháng và được tính 58.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 20 tháng = 9.662.800 đồng. Số tiền nợ lãi chị N, anh G yêu cầu không được chấp nhận là 1.937.200 đồng.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị N và bà Diệp Thị C không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí giám định: Chị Trần Thị N đã nộp tạm ứng chi phí giám định 2.430.000 đồng và Tòa án đã chi phí xong. Buộc bà Diệp Thị C phải chịu 2.430.000 đồng chi phí giám định đối với yêu cầu trưng cầu giám định của chị N là có căn cứ theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Buộc bà Diệp Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, tuy nhiên bà C có đơn xin miễn nộp tiền án phí do thuộc diện người cao tuổi. Căn cứ Điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận miễn án phí cho bà C.

Chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G phải chịu án phí đối với yêu cầu tính lãi số tiền 1.937.200 đồng vượt quá quy định của pháp luật tương ứng với mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G.

Buộc bà Diệp Thị C trả cho chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng, nợ lãi 9.662.800 đồng, tổng cộng 67.662.800 đồng (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí giám định: Buộc bà Diệp Thị C phải nộp 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Chị Trần Thị N và anh Huỳnh Văn G không phải nộp chi phí giám định nên được hoàn trả số tiền tạm ứng đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thi hành từ bà Diệp Thị C để hoàn trả cho chị Trần Thị N số tiền 2.430.000 (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí cho bà Diệp Thị C.

Chị Trần Thị N, anh Huỳnh Văn G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.740.000 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002730 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh, nên chị N, anh G được hoàn trả số tiền chênh lệch là 1.440.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng

